

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÌN HỒ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/ 9/ 2024

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Hồng Ngoãn.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vàng A Mãng.

Bà Nguyễn Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ A Thái- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:** bà Lê Ngọc Trang- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 90/204/TLST- HN&GD ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc: “ Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lò Thị S, sinh năm 1977; Địa chỉ: Bản P T3, xã P T, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt.

2. Bị đơn: anh Lò Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Bản P T3, xã P T, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị S, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Lò Thị S và anh Lò Văn H về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2003 tại UBND xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị S và anh Lò Văn H chung sống hạnh phúc với nhau đến nay được 21 năm. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của vợ chồng anh chị không hợp nhau nên không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn giữa chị S và anh H đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị không nhờ chính quyền địa phương hòa giải vì cho rằng đó là việc riêng của hai vợ chồng. Chị S và anh H đều làm trong ngành giáo dục nên Công đoàn nhà trường hòa giải nhưng vẫn không thành. Hiện tại chị S và anh H cùng chung sống trong một căn nhà nhưng không quan tâm đến nhau, chị S và anh H đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Kể từ khi chị S và anh H ly thân anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau nữa và thỉnh thoảng có việc thì anh chị cũng nhắn tin, điện thoại để liên lạc với nhau. Đến nay chị S nhận thấy không còn tình cảm với anh H nữa, cuộc sống chung giữa vợ chồng giữa chị S và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lò Thị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: chị S và anh H, có 02 con chung: cháu Lò Yến Ch, sinh ngày 26/12/ 2003 và cháu Lò Khánh Vy, sinh ngày 14/4/2009. Hiện tại cháu Lò Yến Ch đang đi học đại học Ngôn Ngữ Anh, năm thứ 4, tại thành phố H Nội đến nay đã trưởng thành trên 18 tuổi và cháu Lò Khánh Vy đang sinh sống cùng với chị S. Sau khi chị S ly hôn với anh H, nguyện vọng của chị S, là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Khánh Vy cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về khoản nợ chung: không có tài sản chung nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, vào ngày 08/8/2024, anh Lò Văn H, trình bày: anh H và chị Lò Thị S, đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2003 tại UBND xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được 21 năm, đến năm 2019, thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị S phá phách về kinh tế, anh H đã khuyên bảo nhiều lần. Từ đó tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đã được ban Hòa giải viên và anh em bạn bè, hòa giải nhưng không thành, chị S vẫn tính nào tạt ấy. Đến nay chị S làm đơn gửi lên Tòa án để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, anh H không nhất trí. Vì các con chung nên anh H, đề nghị Tòa án hòa

giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ với nhau. Về con chung: anh H và chị S có 02 con chung, cháu Lò Yên Ch, sinh ngày 26/12/2003, hiện nay cháu đang học Đại học và đã trên 18 tuổi và cháu Lò Khánh V , sinh ngày 14/4/ 2009. Nếu xảy ra ly hôn, Tòa án hòa giải không thành, nguyện vọng của anh H là được nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về khoản nợ chung: anh H và chị S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do công việc và phương tiện đi lại khó khăn.

Theo ý kiến và nguyện vọng của cháu Lò Khánh V , sinh ngày 14/4/2009 cháu trình bày: Cháu đã học xong lớp 9A, Trường phổ thông Dân tộc bán trú, Trung học cơ sở Trung Chải, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Năm nay cháu chuẩn bị bước vào học lớp 10; Cháu biết hiện giờ bố mẹ cháu đã ly thân gần được hơn 04 năm rồi. Hiện nay cháu đang ở với mẹ, tại bản Pa Tần 3, xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Nguyện vọng của cháu là thích ở với mẹ cháu, vì cháu ở với mẹ, cháu sẽ được quan tâm chăm sóc đến cuộc sống cũng như việc học hành của cháu tốt hơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là chị Lò Thị S có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình: Ngày 14/01/2003, chị Lò Thị S và anh Lò Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã P T , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết*”. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H thì Luật hôn nhân và gia

đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị S, xử cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lò Khánh Vy, sinh ngày 14/4/2009 cho chị Lò Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Khánh Vy cho đến khi cháu Vy trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Lò Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị S đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, theo Biên lai số 0000621; ký hiệu: BLTU/23, ngày 11/6/2024 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. (chị Lò Thị S đã nộp đủ).

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị S xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị S nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn H là bị đơn có

đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bản P T3, xã P T, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị S và anh Lò Văn H đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 13/9/2024 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, do Hội thẩm nhân dân vắng mặt tại phiên tòa mà không có người thay thế nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và Tòa án thông báo, ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 24/9/2024. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lò Thị S và anh Lò Văn H, kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn với nhau vào 14/01/2003 tại UBND xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Giấy chứng nhận kết hôn, do Ủy ban nhân dân xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp ngày 14/01/2003. Do đó, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Lò Thị S và anh Lò Văn H hoà thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì chị S và anh H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn H không còn, chị S và anh H mặc dù sống chung trong một căn nhà nhưng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Lò Thị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy anh Lò Văn H không có thiện chí hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay vợ chồng chị S và anh H vẫn đang sống ly thân, không liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chị S và anh H chung sống với nhau mà không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị Lò Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn H. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S, cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Lò Văn H.

[3]. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: chị S và anh H, có 02 con chung: cháu Lò Yên Ch, sinh ngày 26/12/ 2003 và cháu Lò Khánh Vy, sinh ngày 14/4/ 2009. Hiện tại cháu Lò Yên Ch đang đi học đại học Ngôn Ngữ Anh, năm thứ 4, tại thành phố H Nội và đã trưởng thành trên 18 tuổi và cháu Lò Khánh Vy, hiện đang sinh sống cùng với chị S. Từ khi anh chị sống ly thân, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung đều do chị S một mình đảm nhiệm. Hiện nay cháu Lò Yên Ch, đang đi học đại học tại H Nội và đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết; đối với cháu Lò Khánh Vy, sinh ngày 14/4/2009 hiện đang học tập và sinh sống với chị S đã ổn định về thể chất và tinh thần, nếu giao cháu V cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung sau khi ly hôn được phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần cũng như theo nguyện vọng chính đáng của cháu Lò Khánh V và mong muốn của chị Lò Thị S, là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Lò Khánh Vy cho đến khi cháu Vy trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Khánh V , sinh ngày 14/4/ 2009 cho chị Lò Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Vy cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị S không yêu cầu anh Lò Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Anh Lò Văn H được quyền đi lại, thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4]. *Về tài sản chung; về khoản nợ chung*: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn là chị Lò Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị S đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, theo Biên lai số 0000621; ký hiệu: BLTU/23, ngày 11/6/2024 tại Ch cục Thi Hnh án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. (chị Lò Thị S đã nộp đủ).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị S.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn H, theo Giấy chứng nhận kết hôn, do Ủy ban nhân dân xã P T , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, cấp ngày 14/01/2003. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị S và anh Lò Văn H, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Lò Khánh Vy, sinh ngày 14/4/2009 cho chị Lò Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Khánh V cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lò Thị S không yêu cầu anh Lò Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Lò Văn H là người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

*Về tài sản chung, khoản nợ chung:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Buộc nguyên đơn là chị Lò Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị S đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, theo Biên lai số 0000621; ký hiệu: BLTU/23, ngày 11/6/2024 tại Ch cục Thi Hnh án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. chị Lò Thị S đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Lò Thị S, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã P. T ;
- Ch cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Ngoãn**



## HỘI THẨM NHÂN DÂN

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lai Châu;

- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Pa Tần;
- Ch cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

## **HỘI THẨM NHÂN DÂN**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hèo;
- Ch cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**Tấn A Sính Vàng A Măng**



